

Bản án số: **142/2024/HNGĐ - ST**

Ngày 10/09/2024

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Thế Quế.

2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Vi Ngọc Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2024/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngân Thị N, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản B, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở hiện nay: Xóm T, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

1. Bị đơn: Anh Vi Văn K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản B, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 03/06/2024 và tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ngân Thị N trình bày:

Chị và anh Vi Văn K làm thủ tục đăng ký kết hôn ngày 09/09/2011 tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Sau một thời gian chung sống hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm lối sống với nhau vì vậy vợ chồng chị đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Do nhận thấy cuộc sống không hạnh phúc nên chị N làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An giải quyết ly hôn với anh Vi Văn K.

Về con chung: Chị Ngân Thị N và anh Vi Văn K có một con chung là Vi Thiên D, sinh ngày 05/06/2013. Nếu ly hôn, chị N có nguyện vọng giao cháu Thiên D cho anh Vi Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

trưởng thành. Chị Ngân Thị N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Vi Văn K mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ngân Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn trình bày ý kiến ngày 26 tháng 08 năm 2024 anh Vi Văn K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh, chị đăng ký kết hôn ngày 09/09/2011 tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Mặc dù trong thời gian chung sống, vợ chồng có lúc xảy ra xích mích, cãi cọ nhưng quan hệ hôn nhân chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn mà vẫn muốn tiếp tục chung sống với chị N.

Về con chung: Chị Ngân Thị N và anh Vi Văn K có một con chung là Vi Thiên D, sinh ngày 05/06/2013. Nếu phải ly hôn, anh đồng ý nuôi dưỡng con chung và anh đồng ý với mức cấp nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) của chị Ngân Thị N.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Vi Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử; quá trình thu thập chứng cứ, hỏi và tranh luận tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngân Thị N. Cho chị Ngân Thị N và anh Vi Văn K ly hôn.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cháu Vi Thiên D, sinh ngày 05/06/2013 cho anh Vi Văn K trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 9/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Ngân Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Vi Văn K mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 09 năm 2024.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngân Thị N, anh Vi Văn K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không phải xem xét giải quyết thêm.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc chị Ngân Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Ngân Thị N và anh Vi Văn K đăng ký kết hôn ngày 09/09/2011 tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Do đó, vụ án này được xác định là “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Vi Văn K hiện đang có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản B, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân Thị N và bị đơn Vi Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngân Thị N và anh Vi Văn K đăng ký kết hôn ngày 09/09/2011 tại UBND xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân của hai bên đảm bảo về điều kiện kết hôn và đúng nghi thức theo quy định pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm lối sống, các bên đã không tìm được giải pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã hoà giải tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng chị Ngân Thị N vẫn xin được ly hôn với anh Vi Văn K. Anh Vi Văn K không đồng ý ly hôn với chị Ngân Thị N. Xét thấy cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Ngân Thị N và anh Vi Văn K ly hôn.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào kết quả xác minh tại địa phương, xem xét hoàn cảnh, môi trường sống và ý kiến của con. Nguyên vọng của đương sự và xét về khả năng chăm sóc nuôi dưỡng cần giao cho anh Vi Văn K nuôi dưỡng con chung là hợp lý. Giao cháu Vi Thiên D, sinh ngày 05/06/2013 cho anh Vi Văn K trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 09 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (trưởng thành). Chị Ngân Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngân Thị N, anh Vi Văn K không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Ngân Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227;

khoản 1 Điều 228; Điều 238 BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngân Thị N được ly hôn anh Vi Văn K.

Về con chung: Buộc chị Ngân Thị N giao cháu Vi Thiên D, sinh ngày 05/06/2013 cho anh Vi Văn K trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 09 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (trưởng thành). Chị Ngân Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 09 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (trưởng thành).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Ngân Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng. Được khấu trừ do đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0006173 ngày 10 tháng 06 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Chị Ngân Thị N đã nộp đủ tiền án phí. Chị Ngân Thị N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (Một trăm mười nghìn) đồng.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu khoản tiền lãi của tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Vụ án xét xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với nguyên đơn, bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã Châu Lý, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quán Vi Tuấn

